TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HSST
Ngày: 15/3/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Ông Phan Huy Viễn.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Ngô Thị Tuyết M.
2. Ông Siu D.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2023/HSST, ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2024/HSST-QĐ, ngày 23/02/2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn S (tên gọi khác là M), sinh ngày 12/01/1995 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai,

Nơi cư trú: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958;

Bị cáo có vợ là Đinh Thị P, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2016, hiện đều đang cư trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến ngày 25/5/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh X, sinh ngày 31/12/1992 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh L (đã chết) và bà Đinh Thị H, sinh năm 1961;

Bị cáo có vợ là Đinh Thị D, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2017, hiện đều đang cư trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến ngày 25/5/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Văn M, sinh ngày 08/02/1996 tại huyện V, tỉnh Bình Định.

Nơi cư trú: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đoàn Văn L, sinh năm 1975 và bà Đinh Thị M, sinh năm 1977;

Bị cáo có vợ là chị Đinh Thị Nh, sinh năm 1995 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2021, hiện đều đang cư trú tại: Làng K, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến ngày 05/4/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Đinh Văn K, sinh ngày 15/3/2000 tại huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh Văn K, sinh năm 1964 và bà Đinh Thị Kh, sinh năm 1968;

Bị cáo có vợ là chị Đinh Thị H, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2014, hiện đều đang cư trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2022 đến ngày 05/4/2023 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Đinh Văn Th, sinh ngày 20/10/2002 tại huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi cư trú: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai;

Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Bahnar; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Đinh Văn L; sinh năm 1959 và bà Đinh Thị Ư, sinh năm 1972.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tốt.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Đinh X, Đoàn Văn M và Đinh Văn K: Ông Nguyễn Thành Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Gia Lai – có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn Th: Ông Nguyễn Công Tr – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Gia Lai – có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K;

Địa chỉ: Thôn 2, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Văn Th, Giám đốc Công ty – có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 2, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn 2, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1982; Trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – văng mặt.

4. Ông Đinh D, sinh năm 1978; Trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – vắng mặt.

5. Anh Đinh G, sinh năm 1986; Trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

6. Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1996; Trú tại: Làng K, xã Y, huyện Đ, tỉnh Gia Lai – có mặt.

7. Anh Đinh Văn B, sinh năm 1991; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

8. Anh Lê Hoài H, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ 6, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai – có mặt.

9. Anh Kpă N, sinh năm 1998; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

10. Anh Đinh Văn X, sinh năm 1998; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

11. Anh Đinh O, sinh năm 1996; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

12. Anh Đinh Văn H, sinh năm 1995; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

13. Anh Đinh Văn B, sinh năm 1997; Trú tại: Làng B, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai – có mặt.

- Người phiên dịch:

1. Người phiên dịch tiếng Bahnar: Ông Đinh Văn B – có mặt.

2. Người phiên dịch tiếng Jarai: Ông Đinh Văn A – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 07 năm 2022, Nguyễn Văn B đã thuê Nguyễn Văn S (em trai của B), Đinh X, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th lên rừng tại các vị trí ở tiểu khu 750 và 752 thuộc xã Đ, K, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp K quản lý để khai thác gỗ trái phép. Quá trình khai thác gỗ B là người trực tiếp dùng cưa lốc hạ các cây gỗ rồi chỉ dẫn cho S, X dùng cưa lốc xẻ hộp theo yêu cầu của B. Các đối tượng còn lại dọn đường, kẻ mực để xẻ gỗ hộp, phụ khiêng các lóng gỗ, lật gỗ, tời gỗ từ dưới vực lên trên đường, sau khi khai thác gỗ xong các đối tượng vận chuyển gỗ về nơi tập kết cho B. Ngoài ra còn có Huỳnh Thị S (là vợ của B) cũng theo B lên rừng đi hái nấm và lấy phong lan rừng có nấu cơm cho B và phụ kẻ mực và dọn cành cây cùng B. Sau khi khai thác xong và kéo gỗ về vị trí tập kết, Nguyễn Văn B thuê các đối tượng KPã N, Đinh Văn Th, Đinh G, Đinh D, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn H và Đinh Văn B cùng với Nguyễn Văn S, Đinh X, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th vận chuyển gỗ về khu vực làng C, xã Y, huyện Đ để bán. Các đối tượng tham gia cùng B cưa hạ cây, dọn đường, kẻ mực để xẻ gỗ hộp, phụ khiêng các lóng gỗ, lật gỗ, tời gỗ từ dưới vực lên trên đường thì

B trả tiền một ngày là 300.000 đồng, các đối tượng vận chuyển gỗ mỗi chuyến B trả 400.000 đồng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Tại lô 1 khoảnh 10 tiểu khu 750; lô 1 khoảnh 5; lô 16 khoảnh 2, lô 2 khoảnh 4 tiểu khu 752, xã Đ, huyện K, lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp K quản lý có 129 cây gỗ bị khai thác trái phép, chủng loại Xoay, Trám, Giẻ, Thông Nàng, Thông Tre, Sơn huyết, Kiền kiền, Giổi từ nhóm I đến nhóm V thuộc gỗ thông thường, trạng thái Rừng thường xanh trung bình. Tổng khối lượng gỗ thiệt hại là 153,177m^3.

Nguyễn Văn B và các đối tượng đã khai thác 63 cây gỗ chủng loại Xoay, Trám, Giẻ, Thông Nàng, Thông Tre, Sơn huyết, Kiền kiền, Giổi từ nhóm I đến nhóm V thuộc gỗ thông thường với khối lượng gỗ thiệt hại 84,045m^3. Trong đó Đinh X cùng tham gia khai thác 42 cây gỗ với khối lượng 61,905m^3; Nguyễn Văn S cùng tham gia khai thác 39 cây gỗ với khối lượng 58,292m^3; Đinh Văn K cùng tham gia khai thác 25 cây với khối lượng 39,011m^3; Đoàn Văn M cùng tham gia khai thác 16 cây gỗ với khối lượng 28,494m^3; Đinh Văn Th cùng tham gia khai thác gỗ cùng với B 09 cây với khối lượng 15,264m^3; Huỳnh Thị S cùng tham gia khai thác 02 cây gỗ với tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 1,127m^3; KPã N cùng tham gia khai thác 02 cây gỗ với khối lượng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 3,009m^3; Nguyễn Văn H tham gia cùng B đã tham gia khai thác 01cây gỗ với khối lượng gỗ bị thiệt hại 1,589m^3.

Bản kết luận giám định tư pháp ngày 25/12/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Gia Lai xác định giá trị phải bồi thường đối với rừng tự nhiên của đối với 129 cây gỗ bị khai thác trái phép với tổng khối lượng gỗ 153,177m^3, thuộc trạng thái rừng lá rộng thường xanh trung bình (TXB), loại rừng sản xuất, tại tiểu khu 750 và 752 là 1.810.049.658 đồng. Trong đó giá trị phải bồi thường đối với 63 cây gỗ các loại với khối lượng 84,045m^3 mà Nguyễn Văn B, Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K, Đinh Văn Th khai thác trái phép là 1.083.310.392 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 21/CT-VKS, ngày 08 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Đinh X và Nguyễn Văn S về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự; truy tố các bị cáo Đoàn Văn M và Đinh Văn K về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Đinh Văn Th về tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K, Đinh Văn Th phạm tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Đinh X **05** (năm) năm đến **05** (năm) năm **06** (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **06** (sáu) năm đến **06** (sáu) năm **06** (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M 0**2** (hai) năm đến 0**2** (hai) năm **03** (ba) tháng tù.

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn K **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù đến 0**2** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn Th **12** (mười hai) đến **18** (mười tám) tháng tù.

- Các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam trước đây.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn nêu ý các kiến đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K là ông Nguyễn Thành Tr và người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn Th là ông Nguyễn Công Tr thống nhất với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; các bị cáo Đinh X, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th đã bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại; các bị cáo Đinh X và Đoàn Văn M có gia đình có công với cách mạng; các bị cáo đều có gia đình thuộc diện hộ nghèo. Trên cơ sở đó, những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh X mức án dưới khung hình phạt bị truy tố; đề nghị áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đinh Văn Th mức án từ **06** (sáu) đến **09** (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Những người bào chữa cũng đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Ngoài ra, ông Nguyễn Công Tr còn nêu ý các kiến đề nghị về việc cần buộc Nguyễn Văn B cùng với các bị cáo và toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K tương ứng với hành vi của họ trong vụ án.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì mà chỉ mong muốn Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được miễn án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố

tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của các bị cáo được xác định theo lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa như sau: Trong khoảng thời gian từ tháng 03 năm 2020 đến tháng 07 năm 2022, Nguyễn Văn B đã thuê Nguyễn Văn S (là em trai của B), Đinh X, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th lên rừng tại các vị trí ở tiểu khu 750 và 752 thuộc xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai là lâm phần do Công ty TNHH MTV lâm nghiệp K quản lý để khai thác gỗ trái phép. Quá trình khai thác gỗ Nguyễn Văn B và các đối tượng đã khai thác 63 cây gỗ thuộc các chủng loại Xoay, Trám, Giẻ, Thông Nàng, Thông Tre, Sơn huyết, Kiền kiền, Giổi (từ nhóm I đến nhóm V) thuộc gỗ thông thường với khối lượng gỗ thiệt hại là 84,045m^3. Cụ thể, Đinh X đã tham gia khai thác 42 cây với khối lượng là 61,905m^3; Nguyễn Văn S đã tham gia khai thác 39 cây với khối lượng là 58,292 m^3; Đinh Văn K tham gia khai thác 25 cây với khối lượng là 39,011m^3; Đoàn Văn M đã tham gia khai thác 16 cây với khối lượng là 28,494m^3 và Đinh Văn Th đã tham gia khai thác gỗ cùng với B 09 cây với khối lượng là 15,264 m^3.

Các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và mong muốn Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng.

[3]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Đinh X và Nguyễn Văn S đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo điểm b khoản 3 Điều 232 Bộ luật hình sự; các bị cáo Đoàn Văn M và Đinh Văn K đã phạm vào tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự; bị cáo Đinh Văn Th đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét về nhân thân, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy rằng:

Thời gian vừa qua, trên địa bàn tỉnh Gia Lai nói chung và địa bàn huyện K nói riêng thường xuyên xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép. Mặc dù, các cấp chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng vẫn liên tục tuyên truyền, vận động, giáo dục cũng như áp dụng cả các biện pháp xử lý, răn đe nhưng tình trạng này vẫn liên tục xảy ra. Trong vụ án này, các bị cáo Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th đều là những người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi và đều nhận thức được hành vi khai thác rừng của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì nghe theo lời dụ dỗ, chỉ đạo của Nguyễn Văn B mà các bị cáo đã cùng với Nguyễn Văn B tiến hành khai thác rừng trái phép trong một thời gian dài, gây thiệt hại với tổng khối lượng gỗ được xác định là 84,045m^3. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Chính vì vậy, cần xử lý nghiêm đối với hành vi của các bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th cùng cố ý tham gia thực hiện một tội phạm. Để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo thì cần phân tích vai trò, trách

nhiệm cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Văn B là người đóng vai trò là người chủ mưu và cũng là người thực hành tích cực trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì Nguyễn Văn B đã bỏ trốn khỏi địa phương, hiện nay không rõ ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định truy nã bị can, đến nay chưa bắt được. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết, việc tách hành vi phạm tội của Nguyễn Văn B để xử lý sau không ảnh hưởng đến việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo khác vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tách hồ sơ vụ án để điều tra, truy tố, xét xử sau đối với Nguyễn Văn B là có căn cứ.

Đối với bị cáo Đinh X: Bị cáo đóng vai trò là người thực hành trong vụ án và đã tham gia khai thác 42 cây gỗ với khối lượng là 61,905m^3. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo bằng hình phạt tù cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, cũng xét cho bị cáo có nhân thân tốt; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo đóng vai trò là người thực hành trong vụ án và đã tham gia khai thác 39 cây gỗ với khối lượng là 58,292m^3. Do đó, cũng cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo bằng hình phạt tù cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cải tạo, giáo dục trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, cũng xét cho bị cáo có nhân thân tốt; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với các bị cáo Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th: Các bị cáo có vai trò người thực hành, trong đó Đinh Văn K tham gia khai thác 25 cây gỗ với khối lượng là 39,011m^3; Đoàn Văn M đã tham gia khai thác 16 cây gỗ với khối lượng là 28,494m^3 và Đinh Văn Th đã tham gia khai thác gỗ cùng với B 09 cây với khối lượng là 15,264m^3. Chính vì vậy, cũng cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo để các bị cáo có điều kiện cải tạo, trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, cũng xét cho các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; gia đình các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo; bị cáo Đoàn Văn M có gia đình có công với cách mạng. Do đó, các bị cáo Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Đinh Văn Th được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy các bị cáo Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th có nhân thân tốt và có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ một phần cho các bị cáo khi lượng hình.

Trong vụ án này còn có Huỳnh Thị S đã trực tiếp tham gia khai thác 02 cây gỗ với khối lượng gỗ bị thiệt hại là 1,127m^3 (gỗ tròn), thuộc nhóm loài thông thường. Xét thấy, khối lượng gỗ khai thác dưới 10m^3 và Sản chưa bị xử lý hình sự, vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, hành vi của S không đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự.

Đối với Kpă N khi lên rừng vận chuyển gỗ thuê cho B đã tham gia khai thác cùng B 02 (hai) cây gỗ được đánh số ký hiệu 15 (khám nghiệm hiện trường ngày 31/8/2022) và cây gỗ số 15 (khám nghiệm hiện trường ngày 09/10/2022) với tổng khối lượng gỗ bị thiệt hại là 3,009m^3 (gỗ tròn), và vận chuyển 03 hộp gỗ trái phép với khối lượng 0,418m^3 thuộc nhóm loài thông thường. Xét thấy, khối lượng gỗ khai thác dưới 10m^3; khối lượng gỗ vận chuyển dưới 20m^3 và N chưa bị xử lý hình sự, vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, hành vi của Kpă N không đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Văn H khi lên rừng vận chuyển gỗ thuê cho B đã tham gia cùng B khai thác 01 (một) cây gỗ được đánh số ký hiệu 06 (khám nghiệm hiện trường ngày 24/8/2022) là rừng sản xuất, nhóm thông thường với khối lượng gỗ bị thiệt hại 1,589m^3 gỗ tròn và vận chuyển lâm sản trái pháp luật 10 hộp gỗ, (khối lượng khoảng 1,25m^3 gỗ xẻ (quy thành 2m^3 gỗ tròn). Xét thấy, khối lượng gỗ khai thác trái phép dưới 10m^3; khối lượng gỗ vận chuyển dưới 20m^3, H chưa bị xử lý hình sự, vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, hành vi của Nguyễn Văn H không đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi vận chuyển lâm sản trái phép của Nguyễn Văn Ph, Đinh Văn H, Đinh Văn X, Đinh Văn B, Đinh O, Đinh Văn B, Đinh Văn Th, Đinh D, Đinh G và Lê Hoài H, quá trình điều tra xác định các đối tượng trên đã vận chuyển gỗ dưới 20m^3, cụ thể: Nguyễn Văn Ph vận chuyển 0,8m^3, Đinh Văn H vận chuyển 1,644m^3, Đinh Văn X vận chuyển 1,644m^3, Đinh Văn B vận chuyển 1,512m^3, Đinh O vận chuyển 1,644m^3, Đinh Văn B vận chuyển 1,512m^3, Đinh Văn Th vận chuyển 1,534m^3, Đinh D vận chuyển 0,657m^3, Đinh G vận chuyển 1,315m^3 và Lê Hoài H vận chuyển 0,256m^3. Các đối tượng trên chưa bị xử lý hình sự, vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, hành vi của Nguyễn Văn Ph, Đinh Văn H, Đinh Văn X, Đinh Văn B, Đinh O, Đinh Văn B, Đinh Văn Th, Đinh D, Đinh G và Lê Hoài H không đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản" quy định tại Điều 232 Bộ luật hình sự.

Do đó, việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến các đối tượng vi phạm nêu trên đến Hạt Kiểm lâm huyện K để xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với hành vi và trách nhiệm của các nhân viên quản lý bảo vệ rừng tại tiểu khu 750, 752 thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K: Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định khởi tố vụ án "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại điều 360 Bộ luật hình sự, để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật là phù hợp.

Đối với 66 cây gỗ còn lại có tổng khối lượng 69,132m^3 đến nay vẫn chưa điều tra, làm rõ được đối tượng thực hiện hành vi khai thác trái phép nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiếp tục điều tra, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với đối tượng mua gỗ của Nguyễn Văn B, hiện B đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác định đối tượng mua gỗ của Bình.

[5]. Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức án đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Đối với đề nghị của người bào chữa Nguyễn Thành Tr về tội danh và mức án đối với các bị cáo Nguyễn Văn S, Đinh Văn K, Đoàn Văn M là phù hợp. Tuy nhiên, lời đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Đinh X mức án dưới khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố thì Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi lẽ trong vụ án này tuy bị cáo có bồi thường số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nhưng số tiền bồi thường đó không lớn và chưa tương xứng với thiệt hại mà bị cáo gây ra. Hội đồng xét xử đã xem xét, chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đã chiếu cố đến việc gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn bị cáo nhưng vẫn có ý thức trong việc bồi thường, khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra đồng thời xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố là phù hợp.

Đối với đề nghị của người bào chữa Nguyễn Công Tr về mức án đối với bị cáo Đinh Văn Th thì Hội đồng xét xử không chấp nhận bởi lẽ trong thời gian vừa qua, trên địa bàn huyện K liên tục xảy ra tình trạng khai thác rừng trái phép, ảnh hưởng lớn đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước cũng như an ninh trật tự trên địa bàn. Nếu cho bị cáo được hưởng án treo sẽ không đảm bảo việc răn đe, giáo dục chung. Tuy bị cáo chỉ nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nhưng Hội đồng xét xử cũng đã xem xét, chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự là đã chiếu cố đến việc gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn bị cáo nhưng vẫn có ý thức trong việc bồi thường, khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra đồng thời xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi của bị cáo là phù hợp.

Đối với đề nghị của người bào chữa Nguyễn Công Tr về việc cần buộc Nguyễn Văn B cùng với các bị cáo và toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K tương ứng với hành vi của họ thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, vai trò chính thuộc về Nguyễn Văn B nên B cũng phải chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường thiệt hại nhưng sau khi phạm tội thì Nguyễn Văn B đã bỏ trốn đến nay chưa bắt được. Nếu buộc Nguyễn Văn B bồi thường thì sẽ không bảo đảm quyền kháng cáo của B theo quy định của pháp luật. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị S, anh Nguyễn Văn H và anh Kpă N phải bồi thường có tham gia trực tiếp vào việc khai thác gỗ cùng Nguyễn Văn B nên những người này cũng phải có trách nhiệm bồi thường là phù

hợp. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không tham gia trực tiếp vào việc khai thác gỗ cùng Nguyễn Văn B mà chỉ chở thuê gỗ về địa điểm tập kết cho B sau khi số gỗ đó đã bị khai thác nên họ không có trách nhiệm bồi thường trong vụ án này.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn S, Đinh X, Đinh Văn K, Đoàn Văn M, Đinh Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị S, anh Nguyễn Văn H và anh Kpă N phải bồi thường cho Công ty toàn bộ số tiền thiệt hại là 1.083.310.392 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) theo kết luận định giá tài sản.

Xét yêu cầu này của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K thấy rằng: Trong vụ án này, vai trò chính thuộc về Nguyễn Văn B nên B cũng phải chịu trách nhiệm chính trong việc bồi thường thiệt hại nhưng sau khi phạm tội thì Nguyễn Văn B đã bỏ trốn đến nay chưa bắt được. Tuy nhiên, để đảm bảo nguyên tắc tài sản của Nhà nước (Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K là doanh nghiệp có 100% vốn Nhà nước) phải được ưu tiên thu hồi kịp thời và triệt để thì cần buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại xảy ra là phù hợp. Sau này, khi cơ quan chức năng bắt được và xử lý đối với Nguyễn Văn B thì các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền yêu cầu B phải trả lại một phần số tiền bồi thường thiệt hại tương ứng với hành vi phạm tội của B gây ra.

Chính vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nói trên của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K đồng thời buộc các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải bồi thường tương ứng với vai trò và mức độ thiệt hại mà các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gây ra. Cụ thể: Bị cáo Đinh X phải bồi thường số tiền là 293.310.392 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 289.310.392 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng); bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường số tiền là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng); bị cáo Đinh Văn K phải bồi thường số tiền là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 218.000.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu đồng); bị cáo Đoàn Văn M phải bồi thường số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng); bị cáo Đinh Văn Th phải bồi thường số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng); anh Kpă N phải bồi thường số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

[8]. Về hình phạt bổ sung:

Xét các bị cáo Đinh X, Đinh Văn K, Đoàn Văn M và Đinh Văn Th đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Nguyễn Văn S gia đình cũng thuộc diện hộ nghèo do đó không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Về vật chứng vụ án:

- Đối với 05 (năm) xe mô tô độ chế (không có biển kiểm soát, không xác định được nhãn hiệu, số khung, số máy, đã tháo bỏ hết vỏ áo xe) là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 01 (một) máy cưa xích nhãn hiệu HUSQVARNA, màu cam, gồm hai phần: phần thân máy và lam xích bằng kim loại dài 116 cm là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước;

- Đối với 78 (bảy mươi tám) hộp gỗ với khối lượng 12,31m^3 (quy thành 19,696 m^3 gỗ tròn) đang được bảo quản tại kho vật chứng Hạt kiểm lâm huyện K cần tịch thu, bán sung quỹ Nhà nước sau khi trừ các chi phí hợp lý cho việc thu gom, vận chuyển, bảo quản.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Xét các bị cáo Đinh X, Đinh Văn K, Đoàn Văn M và Đinh Văn Th đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình thuộc diện hộ nghèo, bị cáo Nguyễn Văn S gia đình cũng thuộc diện hộ nghèo và các bị cáo đều có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần nghĩa vụ bồi thường theo quy định chung.

[11]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Đinh X, Đinh Văn K, Đoàn Văn M và Đinh Văn Th phạm tội: "**Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản**".

2. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S **06** (sáu) năm tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là **06** (sáu) tháng **25** (hai mươi lăm) ngày, như vậy thời gian bị cáo còn phải chấp hành là **05** (năm) năm **05** (năm) tháng **05** (năm) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2024 (là ngày bị cáo bị bắt tam giam).

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 232; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Đinh X **05** (năm) năm tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là **06** (sáu) tháng **25** (hai mươi lăm) ngày, như vậy thời gian bị cáo còn phải chấp hành là **04** (bốn) năm **05** (năm) tháng **05** (năm) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2024 (là ngày bị cáo bị bắt tam giam).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 232; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn K **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là **05** (năm) tháng **05** (năm) ngày, như vậy thời gian bị cáo còn phải chấp hành là **01** (một) năm **09** (chín) tháng **25** (hai mươi lăm) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2024 (là ngày bị cáo bị bắt tam giam).

+ Xử phạt bị cáo Đoàn Văn M **02** (hai) năm tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam trước đây là **05** (năm) tháng **05** (năm) ngày, như vậy thời gian bị cáo còn phải chấp hành là **01** (một) năm **06** (sáu) tháng **25** (hai mươi lăm) ngày tù, thời hạn tù được tính từ ngày 15/3/2024 (là ngày bị cáo bị bắt tam giam).

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38 và 58 của Bộ luật Hình sự;

+ Xử phạt bị cáo Đinh Văn Th **12** (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự;

Xử buộc các bị cáo Đinh X, Nguyễn Văn S, Đoàn Văn M, Đinh Văn K, Đinh Văn Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Huỳnh Thị S, anh Nguyễn Văn H và anh Kpă N phải bồi thường cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp K số tiền là 1.083.310.392 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi ba triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng), cụ thể: Bị cáo Đinh X phải bồi thường số tiền là 293.310.392 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 289.310.392 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm mười nghìn ba trăm chín mươi hai đồng); bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường số tiền là 290.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng); bị cáo Đinh Văn K phải bồi thường số tiền là 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 218.000.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu đồng); bị cáo Đoàn Văn M phải bồi thường số tiền là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng); bị cáo Đinh Văn Th phải bồi thường số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 88.000.000 đồng (Tám mươi tám triệu đồng); anh Kpă N phải bồi thường số tiền là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng); chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải bồi thường số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

(Số tiền các bị cáo Đinh X, Đoàn Văn M, Đinh Văn K và Đinh Văn Th đã bồi thường còn ở tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai).

4. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Xử tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 05 (năm) xe mô tô độ chế (không có biển kiểm soát, không xác định được nhãn hiệu, số khung, số máy, đã tháo bỏ hết vỏ áo xe);

- Xử tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) máy cưa xích nhãn hiệu HUSQVARNA, màu cam, gồm hai phần: phần thân máy và lam xích bằng kim loại dài 116 cm.

- Xử tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 78 (bảy mươi tám) hộp gỗ với khối lượng 12,31m^3 (quy thành 19,696 m^3 gỗ tròn) đang được bảo quản tại kho vật chứng Hạt kiểm lâm huyện K.

Số tiền bán vật chứng sung quỹ Nhà nước sau khi trừ đi các chi phí hợp lý cho việc thu gom, vận chuyển, bảo quản.

(*Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/11/2023 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K*).

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Xử miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và 14.465.520đ (Mười bốn triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh X; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn S; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 10.900.000đ (Mười triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn K; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 8.950.000đ (Tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đoàn Văn M; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Đinh Văn Th.

- Xử buộc anh Kpă N, chị Huỳnh Thị S và anh Nguyễn Văn H mỗi người phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND tỉnh Gia Lai;*
- *VKSND huyện K;*
- *Công an huyện K;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;*
- *Thi hành án HS, DS;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Huy Viễn